

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**
---***---

Số: 35/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

K, ngày 16 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị H1, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh H.

Trú tại: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983.

Đều HKTT, Trú tại: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 19/02/2008.

Cháu Lê Thị Thuỷ T2, sinh ngày 03/11/2014.

HKTT: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh H.

Trú tại: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh H.

Người giám hộ cho cháu T1, cháu T2 là chị Chu Thị H1 và anh Lê Văn T là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chu Thị H1, sinh năm 1986 và anh Lê Văn T, sinh năm 1983

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chu Thị H1 và anh Lê Văn T đều nhất trí thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Chu Thị H1 và anh Lê Văn T có 02 con chung là cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 19/02/2008; cháu Lê Thị Thuỷ T2 sinh ngày 03/11/2014. Khi ly hôn thì anh T và chị H1 có thoả thuận giao con chung là cháu Lê Thanh T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T1 trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Thuỷ T2 cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Thuỷ T2 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị H1 tự thoả thuận không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H1 và anh T tạo điều kiện thuận lợi cho nhau đ-ợc quyền thăm nom con chung (cháu T1, T2) theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ phân yêu cầu phân chia tài sản chung công nợ chung của bị đơn là anh Lê Văn T.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị H1, tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

* *Về án phí*: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị H1 thống nhất để chị Chu Thị H1 nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) dự phí mà chị Chu Thị H1 đã nộp theo biên lai thu số 0008098, ngày 06/1/2023 nên trả lại chị Chu Thị H1 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.

Trả lại cho anh Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008143 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.

3/Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Nơi nhân :

- TAND tỉnh H;
- Đ-ơng sự;
- UBND xã C, xã D;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- L-u HS;

**Thẩm phán
Bùi Văn T5**